

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2025
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Khuyên

2. Ông Huỳnh Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, vụ án thụ lý số 165/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Ngọc C, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc C trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2011 chị C và anh Nguyễn Văn T tự nguyện cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh thời gian chung sống do anh T không quan tâm gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, nhiều lần chị chia sẻ nhưng anh T cũng không quan tâm, không sửa đổi được gì, thời gian qua chị đã chịu đựng vì con, nay chị không còn tình cảm với chồng, sống không còn hạnh phúc nữa, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống ở huyện C,

tỉnh Trà Vinh khoảng 05 - 6 tháng nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung có hai con con chung tên Nguyễn Lâm Gia H, sinh ngày 29/01/2013 và Nguyễn Lâm Thiên P, sinh ngày 01/04/2016 bị bệnh rối loạn ngôn ngữ nên chậm nói, Nguyễn Lâm Gia H, sinh ngày 29/01/2013 có nguyện vọng sống chung với anh T, nên chị C chấp nhận để các con cho anh T nuôi, chị không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại Tòa án trong quá trình xét xử vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày và có yêu cầu như sau:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị C về quan hệ hôn nhân, về con chung.

Thời gian chung sống có mâu thuẫn về quan điểm sống, về kinh tế, nhưng do lỗi của anh không quan tâm vợ, anh chỉ nghĩ là anh lo làm kiếm tiền là đủ, một mình vợ quán xuyến việc gia đình, sau khi vợ bỏ về nhà cha mẹ ruột sống thì anh mới thấy hối hận việc mình làm, anh có đến xin lỗi cha mẹ vợ và vợ, anh rất thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên vợ cương quyết ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn, anh chỉ mong vợ anh có cuộc sống thoải mái hơn.

Về con chung: Anh yêu cầu nuôi hai con chung, anh đảm bảo cuộc sống của hai con, vì hai con anh sống cùng anh từ nhỏ đến nay, cuộc sống đã quen. Anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị C ly hôn anh T. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Lâm Gia H, sinh ngày 29/01/2013 và Nguyễn Lâm Thiên P, sinh ngày 01/04/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung Chị C và anh T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc chị C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị C và anh T là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về hôn nhân: Xét lời khai của chị C và anh T khi về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị C và anh T là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của chị C xin ly hôn anh T, theo lời khai của chị C tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay thì trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, tuy nhiên kéo dài rất nhiều năm, anh T không quan tâm gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung, chị C bỏ về nhà cha mẹ ruột sống vì chị C cho rằng sống chung không còn hạnh phúc, qua nhiều lần hoà giải và tại phiên tòa, chị C cương quyết xin được ly hôn; về phía anh T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn trong cách cư xử hàng ngày nhưng mâu thuẫn không lớn, anh vẫn còn tình cảm với vợ con nên không chấp nhận ly hôn mà xin được đoàn tụ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị C vẫn cương quyết xin ly hôn nên anh T chấp nhận ly hôn.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và phải thương yêu chăm sóc nhau, chị C và anh T quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung nên không còn quan tâm chăm sóc nhau, qua các lần hoà giải chị C đều yêu cầu ly hôn, mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được, chị C không còn tình cảm với anh T, nên mâu thuẫn giữa chị C và anh T là trầm trọng. Mặc khác qua xác minh của Tòa án tại địa phương nơi chị C và anh T sinh sống thì xác định được là chị C không còn sinh sống tại ấp B với anh T, tuy nhiên về mâu thuẫn thì địa phương không rõ do vợ chồng không có yêu cầu giải quyết mâu thuẫn, cho nên Tòa cho chị C và anh T đoàn tụ thì đời sống chung hạnh phúc không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị C và anh T có hai con con chung tên Nguyễn Lâm Gia H, sinh ngày 29/01/2013 và Nguyễn Lâm Thiên P, sinh ngày 01/04/2016, anh T yêu cầu được nuôi hai con chung, chị C đồng ý để anh T nuôi con theo nguyện vọng của các con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị C và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Ngọc C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
- Về con chung:

Giao con tên Nguyễn Lâm Gia H, sinh ngày 29/01/2013 và Nguyễn Lâm Thiên P, sinh ngày 01/04/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Lâm Thị Ngọc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Lâm Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011598 ngày 06/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị C đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Long Bắc
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh